

Mẫu số 02

CÔNG TY CỔ PHẦN  
GKM HOLDINGS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15/2024/CBTT-KM

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2024

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần GKM Holdings thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 1 năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:



1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS

- Mã chứng khoán: GKM
- Địa chỉ: KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 024.32002988
- Fax: 024.22207181 - Website: <https://khangminhgroup.com/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 1/năm 2024
  - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 17/04/2024 tại đường dẫn: <https://khangminhgroup.com/quan-he-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC quý 1 năm 2024
- Văn bản giải trình chênh lệch giữa Doanh thu và lợi nhuận sau thuế thay đổi từ 10% so với cùng kỳ.

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**ĐẶNG VIỆT LÊ**



**CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS**  
***BÁO CÁO TÀI CHÍNH***  
*cho Quý 1 năm 2024*

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
Bảng cân đối kế toán	2 - 3
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	5
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	6 - 20

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
**Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>280.132.949.077</b>	<b>259.959.864.091</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>16.596.711.763</b>	<b>11.219.568.365</b>
1. Tiền	111		16.596.711.763	11.219.568.365
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>253.307.734.058</b>	<b>240.961.627.827</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02a	42.608.642.670	14.934.616.451
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.02b	44.026.559.607	69.536.369.607
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	161.672.531.781	151.490.641.769
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.05</b>	<b>2.128.000.000</b>	<b>-</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.128.000.000	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.100.503.256</b>	<b>7.778.667.899</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	380.709.264	6.000.455
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	7.719.793.992	7.772.667.444
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>172.003.809.112</b>	<b>172.754.310.823</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>45.000.000.000</b>	<b>45.000.000.000</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		45.000.000.000	45.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>778.319.248</b>	<b>865.833.012</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	778.319.248	865.833.012
- Nguyên giá	222		12.707.165.099	12.707.165.099
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(11.928.845.851)	(11.841.332.087)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>V.08</b>	<b>28.685.441.931</b>	<b>29.249.988.459</b>
- Nguyên giá	231		42.872.413.754	42.872.413.754
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(14.186.971.823)	(13.622.425.295)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>V.06</b>	<b>39.272.727</b>	<b>-</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		39.272.727	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.03</b>	<b>87.544.183.172</b>	<b>87.544.183.172</b>

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

1. Đầu tư vào công ty con	251			-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		60.000.000.000	60.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		27.544.183.172	27.544.183.172
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.956.592.034</b>	<b>10.094.306.180</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	9.956.592.034	10.094.306.180
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>452.136.758.189</b>	<b>432.714.174.914</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>115.515.631.939</b>	<b>96.390.959.118</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>115.515.631.939</b>	<b>96.390.959.118</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	42.189.152.563	30.244.719.847
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11b	2.982.432.945	2.873.741.620
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	7.237.989.997	7.886.620.091
4. Phải trả người lao động	314		161.498.612	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.735.577.299	464.872.972
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	2.816.768.583	2.790.388.424
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	58.392.211.940	52.130.616.164
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>			
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>V.14</b>	<b>336.621.126.250</b>	<b>336.323.215.796</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>336.621.126.250</b>	<b>336.323.215.796</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		314.342.370.000	314.342.370.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		314.342.370.000	314.342.370.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.416.059.091	8.416.059.091
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.862.697.159	13.564.786.705
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>452.136.758.189</b>	<b>432.714.174.914</b>

Hà Nam, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Người lập biểu

Mai

Đặng Thị Mai

Kế toán trưởng

Thuy

Nguyễn Thị Duyên

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Quý 1 năm 2024

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1	
				Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	99.735.546.120	1.445.172.000
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2			0
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		99.735.546.120	1.445.172.000
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	97.221.900.771	185.010.989
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.513.645.349	1.260.161.011
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.244.815.685	1.997.271.023
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.553.658.081	1.858.154.205
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.553.658.081	1.858.154.205
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.06a	152.622.876	276.333.825
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06b	1.352.003.215	733.882.307
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		700.176.862	389.061.697
11.	Thu nhập khác	31		0	0
12.	Chi phí khác	32	VI.05	325.513.079	317.742.403
13.	Lợi nhuận khác	40		(325.513.079)	(317.742.403)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		374.663.783	71.319.294
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	76.753.329	25.684.659
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		297.910.454	45.634.635

Người lập biểu

*Mai*

Đặng Thị Mai

Kế toán trưởng

*Nguyễn Thị Duyên*

Nguyễn Thị Duyên

Hà Nam, ngày 17 tháng 04 năm 2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phù Lý, tỉnh Hà Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Từ 01/01/2024 Đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 Đến 31/03/2023
1	2	4	5
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	78.699.667.345	13.760.590.269
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(68.929.895.206)	(448.423.198)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(317.991.220)	(409.840.751)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(182.953.754)	(621.743.137)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(711.987.778)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	30.338.329.166	
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(44.428.590.628)	(63.521.904)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(5.533.422.075)</b>	<b>12.217.061.279</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(39.272.727)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.006.000.000	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>4.966.727.273</b>	
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.243.838.200	
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(300.000.000)	(5.751.266.134)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>5.943.838.200</b>	<b>(5.751.266.134)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>5.377.143.398</b>	<b>6.465.795.145</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>11.219.568.365</b>	<b>50.081.966.316</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>16.596.711.763</b>	<b>56.547.761.461</b>

Người lập biểu

mai

Đặng Thị Mai

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Nguyễn Thị Duyên

Hà Nam, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024**

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, Kinh Doanh vật liệu xây dựng, đầu tư tài chính...

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là Kinh doanh các sản phẩm từ xi măng và thạch cao, kinh doanh lúa gạo, vật liệu xây dựng, cho thuê xưởng....

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

**02. Các khoản đầu tư tài chính**

***Công ty liên kết***

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

## **CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### ***Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

### **03. Các khoản nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

### **04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### **05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### ***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

## CÔNG TY CP GKM HOLDINGS

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

### 06. Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như chi phí dịch vụ tư vấn về pháp luật liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc chi phí liên quan trực tiếp đến bất động sản đầu tư.

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Bất động sản đầu tư	06 - 15 năm
-----------------------	-------------

### 07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

### 08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### 09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## **CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

#### ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

### **12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.596.711.763	11.219.568.365
<b>Cộng</b>	<b><u>16.596.711.763</u></b>	<b><u>11.219.568.365</u></b>

**02. Các khoản phải thu**

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>42.608.642.670</b>	<b>14.934.616.451</b>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.050.268.670</b>	<b>6.210.387.451</b>
Công ty Cổ phần Nhôm Khang Minh	118.341.300	5.278.460.081
Công ty Cổ phần Đá thạch anh Khang Minh	931.927.370	931.927.370
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>41.558.374.000</b>	<b>8.724.229.000</b>
Công ty TNHH MTV Hoa cây cảnh Quyên Ba	213.447.000	213.447.000
Công ty Cổ phần APC Holdings	41.044.795.000	8.210.650.000
Các đối tượng khác	300.132.000	300.132.000
<b>b. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>44.026.559.607</b>	<b>69.536.369.607</b>
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>		
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>44.026.559.607</b>	<b>39.536.369.607</b>
Công ty CP Thương mại và XNK Hồng Việt	2.286.559.607	2.286.559.607
Công ty TNHH MTV chế biến lương thực Angimex	40.700.000.000	40.700.000.000
Công ty TNHH MTV Hai Nhứt		26.549.810.000
Công ty TNHH Thương mại PCCC Vĩnh Phúc	1.020.000.000	
Các đối tượng khác	20.000.000	2.853.582.210
<b>Tổng</b>	<b><u>86.635.202.277</u></b>	<b><u>84.470.986.058</u></b>

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**  
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**03. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/03/2024		01/01/2024	
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	% quyền biểu quyết
<b>a, Đầu tư vào công ty con</b>				
<b>b, Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>				
- Công ty Cổ phần Power Trade	20,00%	20,00%	60.000.000.000	20,00%
<b>c, Đầu tư khác</b>			27.544.183.172	
- Công ty CP Công nghệ Internet Chiếc Xanh			1.000.000.000	
- Công ty CP Đá Thạch Anh Khang Minh	19,06%	19,06%	18.894.183.172	19,06%
- Công ty CP nhóm Khang Minh	17,00%	17,00%	7.650.000.000	17,00%
<b>Cộng</b>			<b>87.544.183.172</b>	
				<b>87.544.183.172</b>

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****04. Các khoản phải thu khác**

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>161.672.531.781</b>		<b>151.490.641.769</b>	
- Tạm ứng	30.000.000		358.000.000	
- Phải thu khác	<b>161.642.531.781</b>		<b>151.132.641.769</b>	
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.267.720.000</b>		<b>7.330.169.166</b>	
Công ty CP Nhôm Khang Minh			56.449.166	
Công ty CP Đá Thạch anh Khang Minh	2.267.720.000		7.273.720.000	
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>159.374.811.781</b>		<b>143.802.472.603</b>	
Công ty CP Thương mại và VLXD Phát Đạt	51.546.301.369		51.424.000.000	
Công ty CP VLXD Bảo Minh Khang	30.688.120.000		46.112.000.000	
Ông Nguyễn Đoàn Mạnh Hiếu	34.999.500.000		23.017.500.000	
Ông Nguyễn Tùng Lâm	26.545.000.000		16.875.000.000	
Ông Đinh Tuấn Anh	8.100.000.000		0	
Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh BĐS Đại An	7.495.890.412		6.373.972.603	
<b>Cộng</b>	<b>161.672.531.781</b>		<b>151.490.641.769</b>	

**05. Hàng tồn kho**

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hóa	2.128.000.000		0	
<b>Cộng</b>	<b>2.128.000.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

**06. Tài sản dở dang dài hạn**

	31/03/2024	01/01/2024
- XD CB dở dang khác	39.272.727	0
<b>Cộng</b>	<b>39.272.727</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**  
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình						
Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
Số dư tại 01/01/2024	5.583.935.775	2.660.607.980	3.599.122.722	663.735.850	199.762.772	12.707.165.099
- Mua trong kỳ						0
- Đầu tư XD CB hoàn thành						0
- Tặng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư tại 31/03/2024	5.583.935.775	2.660.607.980	3.599.122.722	663.735.850	199.762.772	12.707.165.099
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư tại 01/01/2024	5.508.570.439	2.660.607.980	3.096.039.945	405.902.279	170.211.444	11.841.332.087
- Khấu hao trong kỳ	14.777.514		41.097.585	23.766.269	7.872.396	87.513.764
- Tặng khác						0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác						0
Số dư tại 31/03/2024	5.523.347.953	2.660.607.980	3.137.137.530	429.668.548	178.083.840	11.928.845.851
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
Số dư tại 01/01/2024	75.365.336	0	503.082.782	257.833.571	29.551.328	865.833.012
Số dư tại 31/03/2024	60.587.822	0	461.985.197	234.067.297	21.678.932	778.319.248



**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**08. Bất động sản cho thuê**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>42.431.504.663</b>	<b>440.909.091</b>	<b>42.872.413.754</b>
- Mua trong kỳ			0
- Đầu tư XD CB hoàn thành			0
- Tăng khác			0
- Thanh lý, nhượng bán			0
- Giảm khác			0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>42.431.504.663</b>	<b>440.909.091</b>	<b>42.872.413.754</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.181.516.204</b>	<b>440.909.091</b>	<b>13.622.425.295</b>
- Khấu hao trong kỳ	564.546.528		564.546.528
- Thanh lý, nhượng bán			0
- Giảm khác			0
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>13.746.062.732</b>	<b>440.909.091</b>	<b>14.186.971.823</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>	<b>28.685.441.931</b>	<b>0</b>	<b>28.685.441.931</b>
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>29.249.988.459</b>	<b>0</b>	<b>29.249.988.459</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>28.685.441.931</b>	<b>0</b>	<b>28.685.441.931</b>

**09. Chi phí trả trước**

	31/03/2024	01/01/2024
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>380.709.264</b>	<b>6.000.455</b>
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	315.275.145	0
Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	65.434.119	6.000.455
<b>b. Dài hạn</b>	<b>9.956.592.034</b>	<b>10.094.306.180</b>
Chi phí sửa chữa văn phòng Hà Nội SH19	561.392.532	606.910.845
Chi phí bồi thường GPMB	9.230.858.586	9.293.902.938
Các khoản khác	164.340.916	193.492.397
<b>Cộng</b>	<b>10.337.301.298</b>	<b>10.100.306.635</b>

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**  
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/03/2024		Số trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>58.392.211.940</b>	<b>58.392.211.940</b>	<b>6.561.595.776</b>	<b>300.000.000</b>	<b>52.130.616.164</b>	<b>52.130.616.164</b>
+ Ngân hàng BIDV	8.000.000.000	8.000.000.000	0	0	8.000.000.000	8.000.000.000
+ Nguyễn Thị Vân Anh	6.243.838.200	6.243.838.200	6.243.838.200	0	0	0
+ Vay trái phiếu	44.148.373.740	44.148.373.740	317.757.576	300.000.000	44.130.616.164	44.130.616.164
<b>Cộng</b>	<b>58.392.211.940</b>	<b>58.392.211.940</b>	<b>6.561.595.776</b>	<b>300.000.000</b>	<b>52.130.616.164</b>	<b>52.130.616.164</b>

**11. Phải trả người bán**

	31/03/2024		Số có khả năng trả nợ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>42.189.152.563</b>	<b>42.189.152.563</b>	<b>30.244.719.847</b>	<b>30.244.719.847</b>	<b>30.244.719.847</b>	<b>30.244.719.847</b>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.426.312.500</i>	<i>1.426.312.500</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
Công ty cổ phần chứng khoán APG	1.426.312.500	1.426.312.500	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>40.762.840.063</i>	<i>40.762.840.063</i>	<i>28.744.719.847</i>	<i>28.744.719.847</i>	<i>28.744.719.847</i>	<i>28.744.719.847</i>
Công ty CP cơ khí và VLXD Phú Nguyễn	3.834.872.805	3.834.872.805	3.834.872.805	3.834.872.805	3.834.872.805	3.834.872.805
Công ty CP Đoàn Minh Công	680.000.000	680.000.000	680.000.000	680.000.000	680.000.000	680.000.000
Công ty CP Đầu tư TM và DV Thăng Long	542.760.000	542.760.000	542.760.000	542.760.000	542.760.000	542.760.000
Công ty TNHH Khai thác đá Xuân Tùng	10.863.417.417	10.863.417.417	10.863.417.417	10.547.007.201	10.547.007.201	10.547.007.201
Công ty CP Tài nguyên Đồng Bắc	6.069.618.612	6.069.618.612	6.069.618.612	6.069.618.612	6.069.618.612	6.069.618.612
Công ty TNHH Phương Lâm	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719	4.999.507.719
Công ty TNHH MTV Hai Nhứt	7.554.540.000	7.554.540.000	0	0	0	0
Công ty CP Đầu tư TDG Global	4.132.060.000	4.132.060.000	4.132.060.000	0	0	0
Phải trả cho người bán là các đối tượng khác	2.086.063.510	2.086.063.510	2.070.953.510	2.070.953.510	2.070.953.510	2.070.953.510
<b>b. Người mua trả tiền trước</b>	<b>2.982.432.945</b>	<b>2.982.432.945</b>	<b>2.873.741.620</b>	<b>2.873.741.620</b>	<b>2.873.741.620</b>	<b>2.873.741.620</b>
<i>Người mua trả trước là bên liên quan</i>	-	-	-	-	-	-

**CÔNG TY CP GKM HOLDINGS**  
 KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phú Lý, tỉnh Hà Nam  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<i>Người mua trả trước là các khách hàng khác</i>	2.982.432.945	2.982.432.945	2.873.741.620	2.873.741.620
Công ty CP VLXD Bảo Minh Khang	2.687.517.454	2.687.517.454	2.687.517.454	2.687.517.454
Công ty CP Xây dựng sản xuất và Thương mại Đại Sản	141.876.475	141.876.475	141.876.475	141.876.475
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HP THĂNG LONG (HP COINS - Xây lắp Hải Phát)	44.347.691	44.347.691	44.347.691	44.347.691
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG SỐ 7	108.691.325	108.691.325		
<b>Cộng</b>	<b>45.171.585.508</b>	<b>45.171.585.508</b>	<b>33.118.461.467</b>	<b>33.118.461.467</b>

**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế GTGT đầu ra		919.431.503	46.038.328			965.469.831
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu						
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		6.625.694.366	76.753.329	711.987.778		5.990.459.917
- Thuế thu nhập cá nhân		260.607.742	28.625.157	7.172.650		282.060.249
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	7.772.667.444		52.873.452		7.719.793.992	
- Phí, lệ phí và các khoản khác		80.886.480		80.886.480		
<b>Cộng</b>	<b>7.772.667.444</b>	<b>7.886.620.091</b>	<b>204.290.266</b>	<b>800.046.908</b>	<b>7.719.793.992</b>	<b>7.237.989.997</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/03/2024	01/01/2024
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	<b>982.764.323</b>	<b>956.384.164</b>
- Kinh phí công đoàn	864.795.754	863.633.073
- Bảo hiểm xã hội	61.878.849	36.661.371
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	56.089.720	56.089.720
<b>Nhận ký quỹ, ký cược</b>	<b>1.834.004.260</b>	<b>1.834.004.260</b>
- Nhận đặt cọc tiền thuê xưởng	1.834.004.260	1.834.004.260
<b>Cộng</b>	<b>2.816.768.583</b>	<b>2.790.388.424</b>

**14. Vốn chủ sở hữu***a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư ngày 01/01/2023</b>	<b>238.139.000.000</b>	<b>8.556.059.091</b>	<b>46.745.779.241</b>	<b>293.440.838.332</b>
Tăng vốn trong năm trước	76.203.370.000			76.203.370.000
Lãi trong năm trước			43.022.377.464	43.022.377.464
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm trước				
Phân phối lợi nhuận năm trước		140.000.000	76.203.370.000	76.343.370.000
Giảm khác				
<b>Số dư ngày 31/12/2023</b>	<b>314.342.370.000</b>	<b>8.416.059.091</b>	<b>13.564.786.705</b>	<b>336.323.215.796</b>
<b>Số dư ngày 01/01/2024</b>	<b>314.342.370.000</b>	<b>8.416.059.091</b>	<b>13.564.786.705</b>	<b>336.323.215.796</b>
Tăng vốn trong năm nay				
Lãi trong năm nay			297.910.454	297.910.454
Tăng khác				
Giảm vốn trong năm nay				
Phân phối lợi nhuận				
Giảm khác				
<b>Số dư ngày 31/03/2024</b>	<b>314.342.370.000</b>	<b>8.416.059.091</b>	<b>13.862.697.159</b>	<b>336.621.126.250</b>

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	31/03/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
- Ông Đặng Việt Lê	33.636.760.000	10,70%	33.636.760.000	10,70%
- CTCP chứng khoán APG	31.432.640.000	10,00%	60.092.640.000	19,12%
- Cổ đông khác	249.272.970.000	79,30%	220.612.970.000	70,18%
<b>Cộng</b>	<b>314.342.370.000</b>	<b>100%</b>	<b>314.342.370.000</b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	<b>314.342.370.000</b>	<b>314.342.370.000</b>
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	<b>314.342.370.000</b>	<b>314.342.370.000</b>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

**d. Cổ phiếu**

	<b>31/03/2024</b>	<b>01/01/2024</b>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.434.237	31.434.237
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.434.237	31.434.237
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	31.434.237	31.434.237
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.434.237	31.434.237
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	31.434.237	31.434.237

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: VND

**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	99.735.546.120	1.445.172.000
<b>Cộng</b>	<b>99.735.546.120</b>	<b>1.445.172.000</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	97.221.900.771	185.010.989
<b>Cộng</b>	<b>97.221.900.771</b>	<b>185.010.989</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.244.815.685	1.997.271.023
<b>Cộng</b>	<b>1.244.815.685</b>	<b>1.997.271.023</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**04. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
- Lãi tiền vay	1.553.658.081	1.858.154.205
<b>Cộng</b>	<b>1.553.658.081</b>	<b>1.858.154.205</b>

**05. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
- Chi phí khác	325.513.079	317.742.403
<b>Cộng</b>	<b>325.513.079</b>	<b>317.742.403</b>

**06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	152.622.876	276.333.825
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	1.352.003.215	733.882.307
<b>Cộng</b>	<b>1.504.626.091</b>	<b>1.010.216.132</b>

**07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	76.753.329	25.684.659
<b>Cộng</b>	<b>76.753.329</b>	<b>25.684.659</b>

**08. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.796.370	5.524.500
- Chi phí nhân công	533.975.618	290.348.287
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	97.027.325	432.493.610
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	721.656.972	328.548.053
- Chi phí khác bằng tiền	105.169.806	138.312.671
<b>Cộng</b>	<b>1.500.626.091</b>	<b>1.195.227.121</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GKM HOLDINGS**

KCN Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, TP Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****02. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024</b>	<b>Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023</b>
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	256.782.615	412.195.800
<b>Cộng</b>	<b>256.782.615</b>	<b>412.195.800</b>

Người lập biểu

Đặng Thị Mai

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Duyên

Hà Nam, ngày 17 tháng 04 năm 2024

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê